

# ĐI TÌM CHÂN LÝ TỪ BÃI CÁT VÀNG

NGUYỄN TÁ NHÍ<sup>(\*)</sup>

**Đ**ãi cát vàng mệnh mông giữa biển Đông rộng lớn được người Việt Nam gọi bằng các tên khác nhau là *Hoàng Sa chữ, Hoàng Sa đảo, Hoàng Sa xứ, Vạn lý trường sa*, song cái tên gần gũi mà thân thương hơn cả là tên gọi bằng tiếng mẹ đẻ *Bãi Cát Vàng*, ghi bằng chữ Nôm.

Ba chữ Nôm *Bãi Cát Vàng* được viết là 垸吉鎮. Chữ *bãi* được viết theo phương thức ghép hai thành tố, một là thành tố biểu âm *bãi*, mượn chữ *bãi* của chữ Hán, hai là dùng thành tố biểu nghĩa *thổ*, để chỉ rõ từ bãi có liên quan đến đất đai. Còn chữ *cát* thì được tạo lập bằng cách mượn chữ đồng âm trong tiếng Hán, đó là chữ *cát* trong từ cát tường. Ở sách *Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư* do Hương cống Đỗ Bá soạn năm 1686 (nằm trong tập Hồng Đức bản đồ lưu giữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu là A.2499) cũng có ba chữ *Bãi Cát Vàng*. Hai chữ Nôm *Bãi, Vàng* viết giống như trong *Thiên hạ bản đồ*, riêng chữ *cát* thì không giống. Ở đây người viết thay chữ *cát* bằng chữ *cát* 葛 trong từ *cát đằng* chỉ loại dây leo. Để hiểu rõ hơn tên sách *Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư*, chúng tôi xin đi sâu vào giải nghĩa một số từ ngữ mà tác giả sử dụng để đặt tên cho sách.

Trước tiên là từ *Thiên Nam*. Đây vốn là tên hiệu của vua Lê Thánh Tông (1460-1497). Khi mới lên ngôi vua, Hoàng đế Lê Thánh Tông cũng học theo nếp của tiền nhân mà tự xưng tên hiệu là Thiên Nam động chủ. Tiền nhân mà chúng tôi nói đến đó là Lê Thái Tổ với các tên hiệu *Lam Sơn động chủ, Ngọc Hoa động chủ*, Lê Thái Tông với tên hiệu *Quế Lâm động chủ*. Năm 1468, nhà vua tự thân chỉ huy sáu quân đi tuần du trên sông Bạch Đằng, nhân đó lại đến An Bang đóng quân ở dưới núi Truyền Đăng, cảm hứng trước cảnh núi non hùng vĩ, nhà vua liền làm bài thơ Đường luật cho khắc vào vách đá. Bài thơ có nhan đề *Ngự chế Thiên Nam động chủ đề*. Hai câu kết bài thơ ngự chế này, nhà vua cũng nhắc đến địa danh *Thiên Nam* giống như là tên một quốc gia:

*Thiên Nam vạn cổ sơn hà tại*

*Chính thị tu văn yển vũ thì.*

Nghĩa là:

Đất Thiên Nam muôn thuở non sông còn mãi

Chính là lúc xếp đạo cung theo việc bút nghiên.

---

<sup>(\*)</sup> PGS. TS., Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

Quả là hào mại, Thiên Nam động chủ làm thơ khẳng định “Đất Thiên Nam muôn thuở non sông còn mãi”, nghe phảng phất như câu thơ thần duỗi giặc Tống năm nao: *Nam quốc sơn hà Nam đế cư!*

Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* còn cho biết một sự kiện rất kỳ thú, tháng 12/1467, Hoàng đế Lê Thánh Tông đem chiếc bảo ấn khắc sáu chữ *Thiên Nam Hoàng đế chi bảo* đưa cho các tể thần xem để cùng bàn. Tên nước gọi là Thiên Nam còn thể hiện trong tên sách *Thiên Nam dư hạ tập* do nhà vua cùng các bề tôi Thân Nhân Trung, Đỗ Nhuận biên tập. Từ đó về sau, còn xuất hiện hàng loạt các tác phẩm ghi nhận Thiên Nam giống như tên nước, như:

*Thiên Nam ngữ lục* (ký hiệu AB.192)

*Thiên Nam danh tích thi tập* (ký hiệu A.1156)

*Thiên Nam lịch khoa hội tuyển* (ký hiệu A.2735)

*Thiên Nam lịch triều liệt huyện đăng khoa lục* (ký hiệu VHv.2713)

*Thiên Nam tứ tự kinh* (ký hiệu A.29)

Thứ hai là, từ *Tứ chí* chỉ vùng giáp giới bốn chung quanh đông, tây, nam, bắc. Đây là thuật ngữ chuyên dùng trong đo lường ruộng đất, thổ trạch. Đặc biệt trong văn tự bán ruộng đất bao giờ cũng có lời cam kết “*đông tây tứ chí y như khế nội, nhượng hữu man trá tắc can cữu*” (Nghĩa là: giáp giới đông tây bốn phía giống như ghi chép trong văn khế, nếu như có man trá thì xin chịu phạt tội). Sau khi tìm hiểu được ý nghĩa của hai từ *Thiên Nam* và *tứ chí* rồi, chúng ta có thể tìm được phương án lý giải tên sách *Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư* của Hương cống Đỗ Bá thời Lê, là: Sách ghi

chép đường đi đến bốn vùng biên viễn cực xa của nước Thiên Nam. Ở tờ 43b sách *Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư*, giới thiệu khá tường tận về diện tích vùng *Bãi Cát Vàng* này và cả đường đi từ đất liền đến đây:

“Giữa biển khơi có dải cát dài gọi là *Bãi Cát Vàng*, dài khoảng 400 dặm, rộng tới 20 dặm, đứng sừng sững giữa biển. Từ cửa biển Đại Chiêm đến cửa Sa Vinh, mỗi khi gặp gió Tây Nam thì thương thuyền của các nước đi từ phía trong ra bị trôi dạt vào đây, khi gặp gió Đông Bắc thuyền đi từ phía ngoài vào cũng bị trôi dạt vào đây. Tất cả đều bị chết đói, hàng hóa các loại bỏ lại hết ở đây. Hàng năm vào tháng cuối đông họ Nguyễn sai phái quan quân mang theo 18 chiếc thuyền đi đến vùng này để thu lượm đồ vật, phần lớn thu được vàng bạc, tiền tệ, súng đạn...”.

Tác giả Đỗ Bá hiệu là Đạo Phủ, người ở trấn Nghệ An, sống và làm việc ở xứ Đàng Ngoài vào thời Lê Trịnh, nên khi viết về ngư dân đi khai thác thu lượm hải vật ở vùng Bãi Cát Vàng, ông đã ghi nhận: “Hàng năm vào tháng cuối đông, họ Nguyễn sai phái quan quân mang theo 18 chiếc thuyền đi đến vùng này...”. Thế nhưng khi sách được đưa vào khu vực Đàng Trong thuộc quyền cai quản của họ Nguyễn, thì người sao lục đã sửa từ *Nguyễn thị* thành *Quốc vương* cho phù hợp. Bản A.588 đang lưu giữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm ghi: “Hàng năm vào tháng cuối đông, *Quốc vương* sai phái quan quân mang theo 18 chiếc thuyền đi đến vùng này để thu lượm đồ vật”.

Sách *Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư* được xã hội hoan nghênh đón nhận, có người còn dụng công tóm lược những nét

cốt yếu nhất mà soạn thành sách *Toản tập Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư*.

Cũng viết ba chữ *Bãi Cát Vàng* giống như sách *Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư*, còn có sách *Giáp Ngọ niên bình Nam đồ* (cùng nằm trong tập Hồng Đức bản đồ, ký hiệu A.2499). Trang đầu sách có hàng chữ ghi “*Giáp Ngọ niên bình Nam đồ, Đoan quận công họa tiến*”, cho biết Đoan Quận công vẽ tập bản đồ ghi việc quan quân đi đánh dẹp phương nam vào năm Giáp Ngọ, tiến dâng lên triều đình. Đoan Quận công là tước phong của danh tướng Bùi Thế Đạt. Sách *Nghệ An ký* do Hương cống Bùi Dương Lịch soạn cho biết, Bùi Thế Đạt người làng Tiên Lý huyện Đông Thành trấn Nghệ An. Thuở nhỏ ông rất chăm học, đặc biệt có sở trường về binh pháp thao lược. Lớn lên ông tham gia quân ngũ, xông pha trận mạc, chỉ huy đội thủy quân rất thiện chiến. Năm 1753 được cử làm Đốc linh Sơn Tây, Hưng Hóa, tham gia tiêu trừ giặc núi. Năm 1763 được cử làm Đốc suất Nghệ An, lập được nhiều công tích. Năm 1770 được phong chức Đại tư mã, tước Đoan Quận công, năm 1771 được đặc ban hai chữ Công thần. Bấy giờ ở Đàng Trong, anh em họ Nguyễn nổi dậy ở ấp Tây Sơn, khiến cho đô thành Phú Xuân xao động. Nhân cơ hội ấy, năm Giáp Ngọ (1774) chúa Trịnh liên cử Hoàng Ngũ Phúc làm Bình Nam Thượng tướng quân, thống lĩnh đại quân đi đánh phương Nam. Khi đi đến Nghệ An, ông nhờ sự trợ giúp của Đốc suất Bùi Thế Đạt đã truyền đi bài hịch dụ quân dân trấn Nghệ An viết bằng chữ Nôm:

“*Nước lấy dân làm gốc, khi bình cư chi có phiên dân;*

*Dân lấy nước làm lòng, phen hữu sự sá tua vì nước*”.

Lời dụ hừng hực khí thế làm nức lòng người dân xứ Nghệ, nên chỉ trong vòng tuần nhật đã có hàng chục vạn tráng đinh ứng nghĩa. Do có biệt tài thủy chiến, Đốc suất Nghệ An Bùi Thế Đạt được cử làm tiên phong dẫn đại đội binh thuyền đi trước đến đóng ở cửa biển Đồng Hới. Thủy quân của nhà Lê do Đoan Quận công Bùi Thế Đạt chỉ huy đã gióng buồm tiến xuống phía nam, đi đến đâu ông cũng cho vẽ bản đồ ghi lại đường đi và đánh dấu những nơi hiểm yếu vào bản đồ, tất cả gồm 17 bức. Ở trang 143 sách *Giáp Ngọ niên bình Nam đồ* vẽ về đường đi ở trấn Quảng Nam có ghi địa danh *Bãi Cát Vàng* bằng chữ Nôm.

Đây là tập bản đồ rất quan trọng, đã giúp cho Thượng tướng Việp công Hoàng Ngũ Phúc hoàn thành sứ mạng dẹp yên phương Nam, thống nhất đất nước sau nhiều thế kỷ chia cắt. Hơn thế nữa, *Giáp Ngọ niên bình Nam đồ* còn cung cấp nhiều cứ liệu để Bảng nhãn Lê Quý Đôn viết sách *Phủ biên tạp lục*, tiến sĩ Nguyễn Huy Oánh viết sách *Quảng Thuận đạo sử tập* được lưu hành rộng rãi. Nhiều tác phẩm ra đời sau khi viết về *Bãi Cát Vàng* ở vùng biển Đông của Việt Nam đều đã sử dụng tư liệu trong *Giáp Ngọ niên bình Nam đồ* của danh tướng Bùi Thế Đạt.

Chữ cát trong từ *Bãi Cát Vàng* ngoài cách viết là *cát* trong cát tường và *cát* trong cát đằng như giới thiệu ở trên, còn có sử dụng phương thức đọc theo nghĩa ghi bằng từ *sa* (nghĩa là cát). Chúng tôi tìm thấy cách viết này trong sách *Giao Châu dư địa chí* ký hiệu VHv.30. Việc các tác giả viết sách Hán Nôm sử dụng chữ Nôm được tạo ra bằng nhiều phương thức khác nhau để ghi

chữ *cát* trong từ *Bãi Cát Vàng*, cho thấy danh từ *Bãi Cát Vàng* thực sự gần gũi mà thân thương đối với người Việt Nam. Trong lúc sáng tác, biên soạn hoặc vẽ bản đồ, nếu cần ghi lại từ *Bãi Cát Vàng* bằng chữ Nôm thì các tác giả đều dễ dàng lựa chọn ra loại chữ Nôm cần thiết mà không phải đắn đo suy nghĩ. Có người sử dụng phương thức mượn âm đọc từ chữ Hán, có người lại lựa chọn phương thức đọc theo nghĩa. Tại sao lại dễ dàng chọn được như vậy? Điều này chỉ có thể cắt nghĩa là danh từ *Bãi Cát Vàng* đã thấm sâu vào máu thịt của họ rồi. Tôi hết sức tâm đắc với tên gọi của một cuốn sách do tiến sĩ Mai Ngọc Hồng làm chủ biên được Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông vừa mới xuất bản tháng 10/2013 là *Hoàng Sa, Trường Sa là máu thịt của Việt Nam* □

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Văn Giáp (1984), *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Nguyễn Quang Hồng (chủ biên) (2006), *Tự điển chữ Nôm*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
3. Bùi Dương Lịch (1983), *Nghệ An ký* (Nguyễn Thị Thảo dịch), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Trần Nghĩa - François (chủ biên) (1993), *Di sản Hán Nôm Việt Nam - Thư mục đề yếu*, 4 tập, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Nguyễn Văn San (2013), *Đại Nam quốc ngữ* (Lã Minh Hằng phiên âm, khảo chú), Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
6. Ngô Đức Thọ (chủ biên) (2006), *Các nhà khoa bảng Việt Nam 1075-1919*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
7. Đỗ Thị Bích Tuyền (2013), *Nghiên cứu chữ Nôm khắc trên bia đá (từ thế kỷ XII đến đầu thế kỷ XX)*, Luận án tiến sĩ Hán Nôm, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.